BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: *7/11/2013*

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	499.9	63.2
% Thay đổi	-0.5%	-0.2%
KLGD (CP)	106,540,196	61,981,785
GTGD (tỷ đồng)	1,292.00	413.60
Tổng cung (CP)	205,991,470	95,716,800
Tổng cầu (CP)	200,770,660	82,373,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,058,530	741,746
KL mua (CP)	6,113,570	2,067,100
GTmua (tỷ đồng)	199.47	16.64
GT bán (tỷ đồng)	150.58	10.03
GT ròng (tỷ đồng)	48.89	6.61

Tương quan cung cầu HOSE

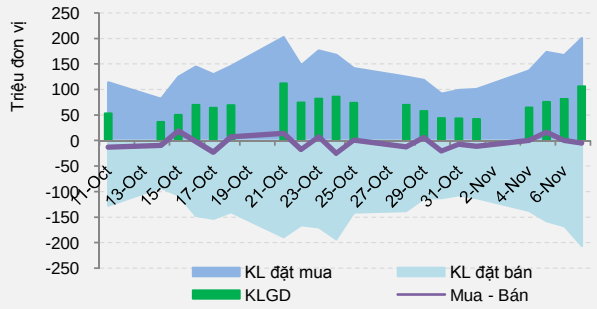

Giá trị Giao dịch NDTNN HOSE

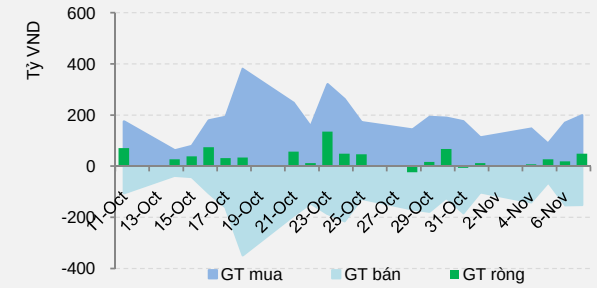

Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	-0.66%	7.4	1.6	1.8%
Công nghiệp	-0.38%	236.2	1.0	24.3%
Dầu khí	-2.34%	7.4	1.5	1.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	0.49%	13.8	1.8	2.6%
Dược phẩm và Y tế	-0.23%	8.2	2.6	1.1%
Hàng Tiêu dùng	-0.57%	12.2	4.9	13.5%
Ngân hàng	-0.14%	6.9	1.3	3.9%
Nguyên vật liệu	0.10%	9.7	2.0	9.4%
Tài chính	-0.17%	18.0	2.5	32.7%
Tiện ích Cộng đồng	-1.22%	8.9	3.3	9.3%
VN - Index	-0.53%	12.9	2.9	75.9%
HNX - Index	-0.21%	32.1	1.5	24.1%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,925,070	2.4%	456,440	0.6%
GTGD (triệu VND)	45,837	4.2%	5,592	0.5%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: *Áp lực cung đã tăng mạnh khi VN-Index tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật 505 điểm. Khối lượng bán tập trung tại nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng, nhóm cổ phiếu đã có thời gian tích lũy như HPG, PPC, REE... thu hút lực cầu. Dòng tiền có sự luân chuyển giữa từng nhóm cổ phiếu, tâm lý nhà đầu tư vẫn khá tích cực.*

Tại sàn HNX, chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên giảm điểm sau 7 phiên tăng điểm liên tiếp, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 63 điểm. Dòng tiền tiếp tục có sự dịch chuyển, áp lực cung tại nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng khá mạnh.

Diễn biến rung lắc tại ngưỡng cản kỹ thuật dự kiến tiếp tục diễn ra trong phiên giao dịch tới. Dòng tiền dự báo vẫn sẽ có sự dịch chuyển từ nhóm cổ phiếu đã tăng nóng sang nhóm cổ phiếu đã có thời gian tích lũy. Với thực tế dòng tiền vào thị trường khá mạnh, chúng tôi bảo lưu quan điểm về xu hướng tăng của thị trường trong trung hạn. Ngưỡng cản kỹ thuật cần quan tâm của VN-Index là khoảng 513 điểm, HNX-Index là khoảng 66 điểm. Giai đoạn điều chỉnh là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy thêm cổ phiếu có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm, tập trung vào những ngành nghề kỳ vọng khả quan trong thời gian tới như xây dựng, VLXD, BĐS.

- VN-Index giảm 2.66 điểm (0.53%) so với phiên trước, xuống 499.86 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 499.29 điểm.

- HNX-Index giảm 0.12 điểm (0.20%), xuống 63.15 điểm, kết thúc 7 phiên tăng điểm liên tiếp.

- Tính đến ngày 4/11, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam VAMC đã ký và chuẩn bị ký hợp đồng mua tổng cộng 11,119 tỉ đồng nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt từ 15 ngân hàng, trong đó có 14 ngân hàng cổ phần và một ngân hàng thương mại nhà nước. Trong tuần này, công ty cũng sẽ mua thêm một số khoản nợ mới. Tổng số nợ xấu khoảng 20 ngân hàng đã gửi thông tin đề nghị VAMC mua lại đến nay ước tính khoảng 38 nghìn tỉ đồng. Như vậy mục tiêu xử lý 35 nghìn tỷ đồng nợ xấu của VAMC trong năm 2013 có thể sớm hoàn thành.

- Tính đến ngày 4/11, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam VAMC đã ký và chuẩn bị ký hợp đồng mua tổng cộng 11,119 tỉ đồng nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt từ 15 ngân hàng, trong đó có 14 ngân hàng cổ phần và một ngân hàng thương mại nhà nước. Trong tuần này, công ty cũng sẽ mua thêm một số khoản nợ mới. Tổng số nợ xấu khoảng 20 ngân hàng đã gửi thông tin đề nghị VAMC mua lại đến nay ước tính khoảng 38 nghìn tỉ đồng. Như vậy mục tiêu xử lý 35 nghìn tỷ đồng nợ xấu của VAMC trong năm 2013 có thể sớm hoàn thành.

- Theo Số liệu của Vụ Tín dụng - Ngân hàng Nhà nước cho biết, đến 30/9, các ngân hàng mới tiếp nhận được 619 hồ sơ cá nhân với số tiền 203 tỷ đồng, trong đó chỉ có 590 khách hàng được giải ngân với tổng số tiền 142.5 tỷ đồng. Riêng khách hàng doanh nghiệp, các nhà băng cũng mới giải ngân 54.8 tỷ đồng. Lãnh đạo Bộ Xây dựng cũng cho biết, trở ngại lớn nhất khi giải ngân gói hỗ trợ này là quỹ nhà ở giá rẻ còn hạn chế. Bộ này cho biết cả nước hiện có khoảng 167 dự án nhà ở xã hội đang triển khai, trong đó 34 dự án nhà ở cho người thu nhập thấp đã hoàn thành với quy mô gần 19 nghìn căn, 32 dự án khác cũng đang tiếp tục thực hiện với quy mô gần 20 nghìn căn.

VN-INDEX

Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm 2.66 điểm (0.53%) so với phiên trước, xuống 499.86 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 499.29 điểm.

- KLGD tăng 37% so với phiên trước, lên 104 triệu đơn vị, cao hơn gấp rưỡi mức trung bình 21 phiên.

- Chỉ số RSI giảm mạnh xuống mức 55 điểm, áp lực chốt lời khá mạnh. Chỉ báo MACD duy trì khoảng cách so với đường tín hiệu.

Nhận định: Áp lực cung đã tăng mạnh khi VN-Index tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật 505 điểm. Khối lượng bán tập trung tại nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng, nhóm cổ phiếu đã có thời gian tích lũy như HPG, PPC, REE... thu hút lực cầu. Dòng tiền có sự luân chuyển giữa từng nhóm cổ phiếu, tâm lý nhà đầu tư vẫn khá tích cực.

Diễn biến rung lắc tại ngưỡng tâm lý 500 điểm dự kiến tiếp tục diễn ra trong phiên giao dịch tới. Dòng tiền dự báo vẫn sẽ có sự dịch chuyển từ nhóm cổ phiếu đã tăng nóng sang nhóm cổ phiếu đã có thời gian tích lũy. Với thực tế dòng tiền vào thị trường khá mạnh, chúng tôi bảo lưu quan điểm về xu hướng tăng của thị trường trong trung hạn. Giai đoạn điều chỉnh là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy thêm cổ phiếu có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm, tập trung vào những ngành nghề kỳ vọng khả quan trong thời gian tới như xây dựng, VLXD, BĐS.

HNX-INDEX

Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- HNX-Index giảm 0.12 điểm (0.20%), xuống 63.15 điểm, kết thúc 7 phiên tăng điểm liên tiếp.

- KLGD tăng 23% so với phiên trước, lên 56 triệu đơn vị, gần gấp đôi mức trung bình 21 phiên.

- Chỉ số RSI giảm nhẹ xuống mức 70 điểm, tâm lý thị trường vẫn tích cực. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn đang nới rộng khoảng cách ở phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên giảm điểm sau 7 phiên tăng điểm liên tiếp, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 63 điểm. Dòng tiền tiếp tục có sự dịch chuyển, áp lực cung tại nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng khá mạnh.

Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh kỹ thuật trong phiên giao dịch ngày mai. Tuy nhiên xu hướng dịch chuyển của dòng tiền giữa từng nhóm cổ phiếu, dòng tiền không có xu hướng rút khỏi thị trường là tín hiệu tích cực. Lực cầu đang quan tâm tới sàn HNX, sau thời gian dài nhóm cổ phiếu tại sàn này giảm điểm vì thiếu hỗ trợ của dòng tiền. Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường khá tích cực, xu hướng tăng điểm của HNX-Index đã được xác lập với ngưỡng cản kỹ thuật cần quan tâm là khoảng 66 điểm.

LỌC CỔ PHIẾU

Chúng tôi nhận thấy, hiện tại dòng tiền trên thị trường tập trung khá nhiều vào các mã cổ phiếu thuộc các ngành bất động sản, xây dựng, sắt thép, vật liệu xây dựng, chứng khoán. Do vậy chúng tôi xin gửi tới quý khách hàng bảng thống kê kết quả kinh doanh Q3/2013 và 9 tháng đầu năm của những DN đã công bố BCTC trong các ngành nói trên sau khi lọc với điều kiện KLGD bình quân 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên.

THỐNG KÊ KQKD MỘT SỐ MÃ NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	CLG	HOSE	86.07	308.9%	0.82	136.8%	257.96	357.4%	27.18	2986.8%	130.6%	8.4%
2	DXG	HOSE	31.32	20.5%	30.08	118.0%	219.15	77.6%	51.55	152.8%	73.6%	0.6%
3	HAR	HOSE	11.78	70.0%	1.46	21.9%	37.25	123.3%	10.74	109.0%	18.4%	0.9%
4	HQC	HOSE	99.18	121.8%	15.12	1468.0%	383.09	223.4%	27.95	202.4%	37.3%	1.1%
5	IDJ	HNX	20	365.6%	-6.02	-584.1%	31.77	201.6%	-5.81	-1037.5%	-11.9%	13.7%
6	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
7	PTL	HOSE	24.3	80.7%	-22.74	-3344.1%	463.51	333.3%	-66.18	344.7%	#DIV/0!	0.5%
8	PV2	HNX	0.34	56.7%	-12.1	-24200.0%	3.37	188.3%	-51.67	-7711.9%	-7277.5%	0.1%
9	PXA	HNX	5.45	80.7%	-2.1	-21000.0%	19.27	23.1%	-30.52	-4624.2%	67.9%	0.3%
10	PXL	HOSE	4.74	11850.0%	0.05	100.0%	21.77	30.2%	-15.46	-11892.3%	-145.3%	0.2%
11	VPH	HOSE	237.3	1316.1%	9.83	330.2%	288.49	379.4%	10.51	-274.4%	26.2%	3.1%
12	SZL	HOSE	43.31	124.8%	17.28	239.3%	116.14	122.8%	36.47	152.5%	194.5%	4.1%

THỐNG KÊ KQKD MỘT SỐ MÃ NGÀNH XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	CVN	HNX	0.04	3.8%	-0.12	-60.0%	0.88	29.1%	-14.09	-5419.2%	-3707.9%	0.0%
2	ICG	HNX	0.31	39.2%	-1.75	32.2%	1.1	7.0%	-5.64	-134.9%	-30.9%	16.1%
3	PXI	HOSE	172.36	70.8%	-1.96	-79.4%	426.35	66.0%	-2.94	-38.4%	-7.5%	2.6%
4	PXS	HOSE	303.33	121.5%	33.48	1665.7%	681.75	68.1%	49.18	79.2%	49.8%	1.4%
5	SD6	HNX	314.94	197.3%	14.16	244.6%	821.36	153.7%	33.5	209.5%	81.1%	4.2%
6	SD9	HNX	268.81	87.7%	8.83	112.5%	803.09	102.9%	27.31	80.1%	56.0%	1.8%
7	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	44.1%
8	ITQ	HNX	102.59	108.2%	0.68	58.1%	305.09	94.6%	2.51	94.4%	20.9%	0.0%
9	VGS	HNX	492	81.8%	2.71	315.1%	1770.05	89.1%	6.92	187.5%	51.3%	2.2%
10	VIS	HOSE	660.39	86.1%	-36.06	-229.3%	2406.35	86.3%	-10.32	-106.9%	-34.0%	1.7%

THỐNG KÊ KQKD MỘT SỐ MÃ NGÀNH CHỨNG KHOÁN

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	KLS	HNX	39.23	114.9%	20.16	122.0%	127.15	65.2%	97.61	-235.0%	24.1%	4.6%
2	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%
3	SHS	HNX	20.81	127.1%	-9.15	84.5%	84.87	68.6%	5	-17.9%	12.3%	3.9%
4	VIG	HNX	3.59	41.3%	0.29	17.8%	11.28	85.3%	1.14	-1.8%	23.7%	13.1%
5	BVS	HNX	51.47	119.4%	21.97	212.3%	153.3	96.2%	78.6	103.5%	135.2%	2.2%
6	APS	HNX	4.15	92.0%	0.7	280.0%	15.67	60.1%	4.58	37.4%	39.9%	14.0%
7	HCM	HOSE	141.8	124.1%	56.52	128.5%	435.65	97.5%	180.32	86.7%	76.0%	49.0%
8	ORS	HNX	1.94	47.5%	-1.24	-138.5%	7.36	46.0%	-1.62	415.4%	-77.1%	0.0%
9	BSI	HOSE	54.21	162.5%	5.16	167.1%	155.16	81.1%	9.23	19.4%	406.6%	0.6%
10	PHS	HNX	10.63	118.1%	-8.13	48.8%	37.67	84.0%	-14.13	21.3%	0.0%	49.0%

KLGD và VN-Index trong phiên

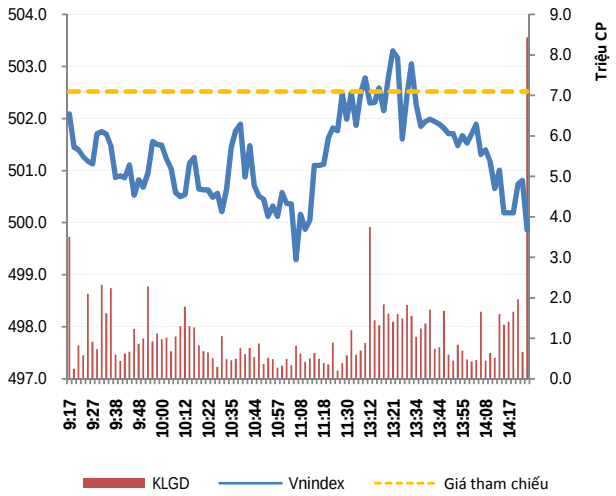

KLGD và HNX-Index trong phiên

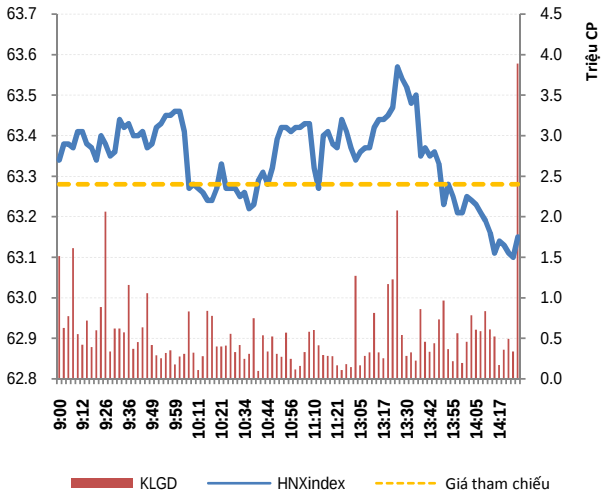

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

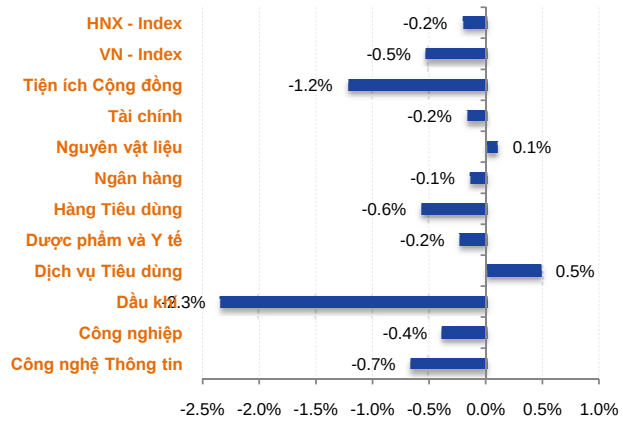

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

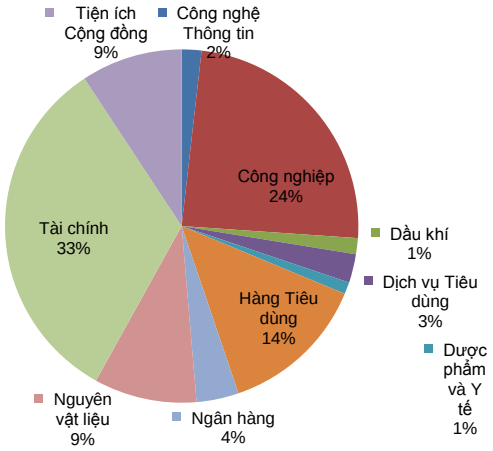

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

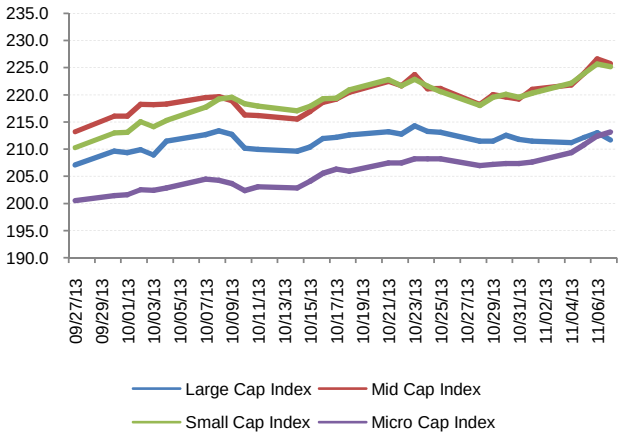

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

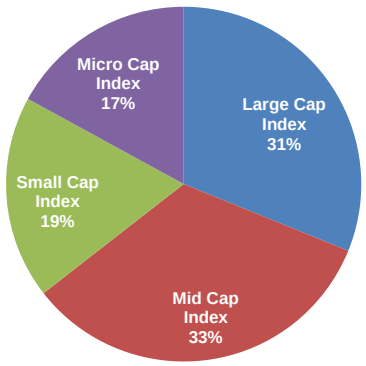

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	OGC	811,600	PET	231,020
2	VIS	660,200	LCG	201,890
3	IJC	359,100	VIC	143,360
4	NTL	318,900	HBC	100,260
5	PPC	313,840	PAC	99,990

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	1,508,200	PGS	138,800
2	AAA	50,000	DBC	131,500
3	VCG	50,000	SCR	88,400
4	BVS	46,100	VCR	41,100
5	PVS	34,800	HMH	20,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.3	6.4	1.59%	9,452,560
LCG	6.0	6.4	6.67%	7,923,950
IJC	7.9	8.3	5.06%	5,878,130
HQC	6.4	6.5	1.56%	4,619,880
OGC	11.3	11.0	-2.65%	4,131,110

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	6.7	6.7	0.18%	6,194,273
VCV	2.3	2.3	0.00%	5,510,883
SHB	7.1	7.1	-0.03%	5,016,782
PVL	3.0	3.3	9.00%	4,318,014
VCG	9.8	9.8	0.39%	2,701,140

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HOT	24.7	26.4	1.7	6.88%
HTI	8.8	9.4	0.6	6.82%
LCG	6.0	6.4	0.4	6.67%
ST8	15.1	16.1	1.0	6.62%
COM	23.0	24.5	1.5	6.52%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CVN	2.0	2.2	0.2	10.00%
S96	3.0	3.3	0.3	10.00%
TAG	29.0	31.9	2.9	10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	10.00%
FDT	27.5	30.2	2.7	9.82%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAX	4.3	4.0	-0.3	-6.98%
VID	2.9	2.7	-0.2	-6.90%
SVI	33.5	31.2	-2.3	-6.87%
VCF	175.0	163.0	-12.0	-6.86%
STG	24.1	22.6	-1.5	-6.22%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCM	11.0	9.9	-1.1	-10.00%
NSN	5.2	4.7	-0.5	-9.62%
PGT	5.2	4.7	-0.5	-9.62%
TTC	10.0	9.0	-1.0	-9.60%
TET	14.8	13.4	-1.4	-9.46%

(*) Giá điều chỉnh

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	9,452,560	0.3%	31	209.1	0.5
LCG	7,923,950	-10.2%	(1,956)	-	0.3
IJC	5,878,130	3.6%	390	21.3	0.8
HQC	4,619,880	4.2%	452	14.4	0.6
OGC	4,131,110	-0.4%	(39)	-	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	6,194,273	-1.1%	(160)	-	0.4
VCV	5,510,883	-117.3%	(4,814)	-	0.9
SHB	5,016,782	-2.9%	(335)	-	0.6
PVL	4,318,014	-4.9%	(526)	-	0.3
VCG	2,701,140	1.3%	150	64.6	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HOT	6.9%	21.2%	3,155	8.4	1.7
HTI	6.8%	15.7%	2,022	4.6	0.7
LCG	6.7%	-10.2%	(1,956)	-	0.3
ST8	6.6%	17.5%	3,552	4.5	0.8
COM	6.5%	7.8%	2,027	12.1	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CVN	10.0%	-43.4%	(4,323)	-	0.3
S96	10.0%	-6.0%	(462)	-	0.4
TAG	10.0%	2.3%	457	69.9	1.8
VE4	10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
FDT	9.8%	8.6%	1,374	22.0	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
OGC	811,600	-0.4%	(39)	-	1.0
VIS	660,200	-5.7%	(767)	-	0.9
IJC	359,100	3.6%	390	21.3	0.8
NTL	318,900	6.7%	902	16.1	1.1
PPC	313,840	39.7%	6,105	3.5	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	1,508,200	-2.9%	(335)	-	0.6
AAA	50,000	12.2%	3,868	4.1	0.6
VCG	50,000	1.3%	150	64.6	0.8
BVS	46,100	6.9%	1,113	9.6	0.6
PVS	34,800	16.4%	2,738	6.1	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	120,333	41.6%	6,429	9.9	3.7
VNM	116,686	40.5%	8,053	17.4	6.9
VCB	69,059	9.9%	1,785	16.7	1.7
CTG	64,415	19.2%	2,569	6.7	1.2
VIC	60,430	38.3%	4,969	13.4	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,283	0.3%	41	380.8	1.2
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	7,460	16.4%	2,738	6.1	1.0
SHB	6,291	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	5,000	6.5%	562	44.5	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	2.40	-1010.2%	(14,249)	-	(0.1)
GMD	2.27	4.7%	1,866	16.6	0.8
KBC	2.26	-10.2%	(1,412)	-	0.8
BVH	2.19	9.0%	1,607	24.8	2.2
OGC	2.15	-0.4%	(39)	-	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	5.39	1.3%	135	28.1	0.4
ITQ	5.29	0.4%	42	132.9	0.5
PVA	4.92	-108.8%	(6,781)	-	0.8
HNM	4.74	3.6%	385	19.0	0.7
PVL	4.52	-4.9%	(526)	-	0.3

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng
97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation